

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DSST
Ngày 09/5/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cường**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm Sát viên.

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Ngọc T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 1262/1 Nguyễn Trung T, khu phố 2, phường A, thành phố R, tỉnh K

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H)**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp AN, xã B, huyện CT, tỉnh K.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Ngọc T trình bày:**

Nguyên vào ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) ông Lâm Vĩnh H, địa chỉ tổ 8, ấp AN, xã B, huyện CT, tỉnh K có hỏi bà mượn 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để làm ăn kinh doanh, vì H là con cháu nên bà cho H mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để lấy lãi điều trị

bệnh và thuốc men, lãi suất là 4%/tháng = 2.000.000đ (Hai triệu đồng) trên tổng số tiền gốc là 50.000.000đ.

Trước đây khi H nhận 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bà thì H có đưa cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H để làm tin nhưng thời gian sau đó H nói mượn lại để cầm cố trả tiền cho bà nên bà cũng đồng ý giao trả giấy tờ QSD đất cho H. Từ khi H nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 02/2023 đến nay thì H không đóng lãi cho bà, chỉ gửi bà được 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Bà có nhiều lần điện thoại và đi tìm gặp H để đòi lại khoản tiền lãi theo thỏa thuận và tiền gốc trên thì vào ngày 10/4/2024 âm lịch H có viết thừa nhận còn nợ bà tiền lãi từ khi mượn đến ngày 10/4/2024 là 09 (Chín) tháng với tổng số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng); đồng thời kể từ đó cho đến nay H vẫn không đóng lãi và không trả tiền gốc cho bà. Nên bà khởi kiện và yêu cầu buộc ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), tổng cộng là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà Trương Ngọc T yêu cầu buộc ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay là ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày xét xử và thống nhất trừ đi số tiền 500.000 đồng tiền lãi mà ông H đã trả. Yêu cầu ông H trả một lần, không thống nhất cho trả dần.

*** Tại bản tự khai ngày 13/03/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) trình bày:**

Ông H thừa nhận vào ngày 10/02/2023 âm lịch ông có vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bà Trương Ngọc T, ông có làm biên nhận đề ngày 10/02/2023 âm lịch với bà T và ký tên vào biên nhận nhưng ghi tên là Lâm Văn H. Ông có thỏa thuận trả lãi hàng tháng với lãi suất là 4%/tháng nhưng sau khi vay thì ông làm ăn thất bại, kinh tế khó khăn nên đến ngày 10/4/2024 âm lịch nên ông trả lãi được vài tháng thì không có khả năng trả lãi nên ông thống nhất ghi nợ bà Trương Ngọc T thêm 18.000.000đ tiền lãi.

Trước đây tại phiên hòa giải, ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) thừa nhận ông còn nợ bà T số tiền gốc lãi tổng cộng là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) như bà T yêu cầu. Ông H xin trả dần số tiền nêu trên cho bà T là 1.000.000đ/tháng và trả dần cho đến khi dứt nợ.

Ông H xác định rằng ông có trả được một số tiền lãi nhưng không nhớ bao nhiêu tiền, ông có ghi âm khi trả tiền cho bà T nhưng trong quá trình giải quyết vụ

án ông H không cung cấp thông tin này, nay ông không yêu cầu ngừng phiên toà để cung cấp đoạn ghi âm đưa đi giám định. Ông H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc trả tiền lãi.

Tại phiên toà, ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) thừa nhận ông còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) như bà T yêu cầu và chỉ thống nhất trả lãi suất tính theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 10/02/2023 âm lịch đến ngày 10/4/2024 âm lịch, còn tiền lãi từ sau ngày 10/4/2024 âm lịch đến ngày xét xử thì ông H không đồng ý trả vì ông không có khả năng trả lãi. Ông H xin trả dần số tiền nêu trên cho bà T là 1.500.000đ/tháng và trả dần cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc T. Buộc bị đơn ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) có nghĩa vụ trả cho bà Trương Ngọc T số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày xét xử sau khi trừ đi số tiền lãi 500.000 đồng mà ông H đã trả. Về án phí: Buộc ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Trương Ngọc T yêu cầu bị đơn ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) có hộ khẩu thường trú tại ấp AN, xã B,

huyện CT, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Bà Trương Ngọc T yêu cầu buộc ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch).

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà Trương Ngọc T: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông H trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), theo giấy nhận nợ đề ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 09/5/2025 dương lịch và bà T đồng ý trừ đi số tiền 500.000 đồng mà ông H đã trả cho bà. Ông H thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đ và có làm biên nhận với bà T, hiện nay ông còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) như bà T yêu cầu nhưng chỉ thống nhất trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày 10/4/2024 âm lịch, còn số tiền lãi từ sau ngày 10/4/2024 âm lịch đến ngày xét xử thì ông H không có khả năng trả.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định ông H có vay tiền của bà T và còn nợ bà T số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 09/5/2025 dương lịch. Bởi vì: Mặc dù việc vay tiền giữa bà T và ông H không lập hợp đồng nhưng hai bên thừa nhận có việc vay tiền với số tiền nêu trên và thừa nhận đúng như biên nhận vay tiền đề ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch). Do đó đây là sự thật nên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với số tiền lãi mà bà T yêu cầu: Hội đồng xét xử xét thấy ông H chưa trả dứt số tiền gốc cho bà T nên ông H phải có trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc nêu trên kể từ ngày vay là ngày 10/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/3/2023 dương lịch) đến ngày xét xử (ngày 09/5/2025 dương lịch) là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Do đó Hội đồng xét xử buộc ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Ngọc T số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/3/2023 dương lịch đến ngày 09/5/2025 dương lịch là phù hợp với quy định pháp luật.

Về tiền lãi: Về mức lãi suất mà hai bên thoả thuận là 4%/tháng = 2.000.000 đồng/tháng là sự thoả thuận thống nhất giữa bà T và ông H nhưng vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định. Tuy nhiên, tại phiên toà bà T chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/3/2023 dương lịch đến ngày 09/5/2025 dương lịch. Hội đồng xét xử xét yêu cầu về tiền lãi của bà T là 26 tháng 08 ngày, bà T thống nhất làm tròn 26 ngày x 20%/năm x 50.000.000đ = 21.666.000 đồng – 500.000 đồng = 21.166.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Như vậy tổng cộng tiền gốc và lãi ông H phải trả cho bà T là: 50.000.000 đồng + 21.166.000 đồng = 71.166.000 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Ngọc T được chấp nhận nên buộc ông Lâm Vĩnh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc T.

Buộc bị đơn ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trương Ngọc T số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 21.166.000 đồng, tổng cộng là 71.166.000đ (Bảy mươi một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh K

Kể từ ngày bà Trương Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án ông Lâm Vĩnh H (Lâm Văn H) không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho bà Trương Ngọc T thì hàng tháng ông Lâm Vĩnh H còn phải trả cho bà Trương Ngọc T thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Lâm Vĩnh H phải chịu án phí với số tiền là 3.558.300đ (Ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn ba trăm đồng). Nguyên đơn bà Trương Ngọc T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh